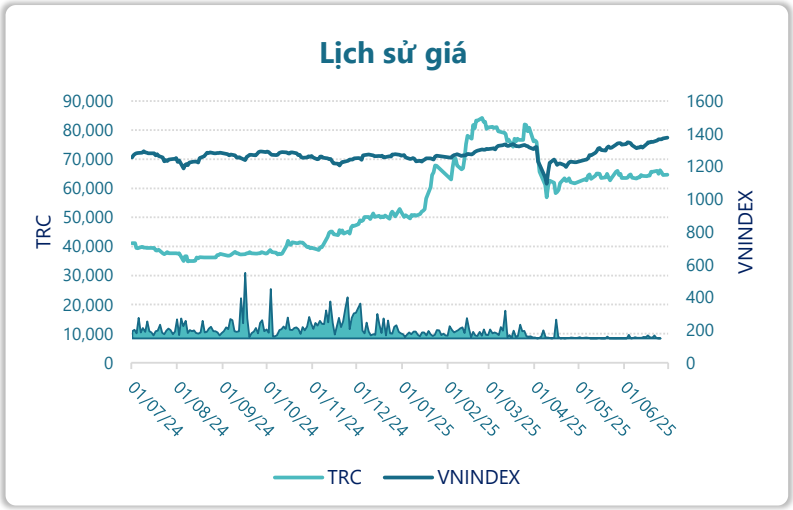
FireAnt

CTCP Cao su Tây Ninh (HSX: TRC)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**67,100**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	84,196
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	34,842
SL cổ phiếu LH	29,125,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	138,715
% sở hữu nước ngoài	2.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,954
P/E	6.5
EPS	10,249

DT thuần

Q2/25

132

tỷ VNĐ

QoQ: ▼94.0| -41.6%

YoY: ▲ 41.5| 46.0%

LN sau thuế

Q2/25

34.9

tỷ VNĐ

QoQ: ▼35.5| -50.5%

YoY: ▲ 22.1| 172%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

28.3%

+/- YoY: ▲ 9.3%

DT thuần

6T 2025

358

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 122| 51.8%

LN sau thuế

6T 2025

105

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 76.8| 273%

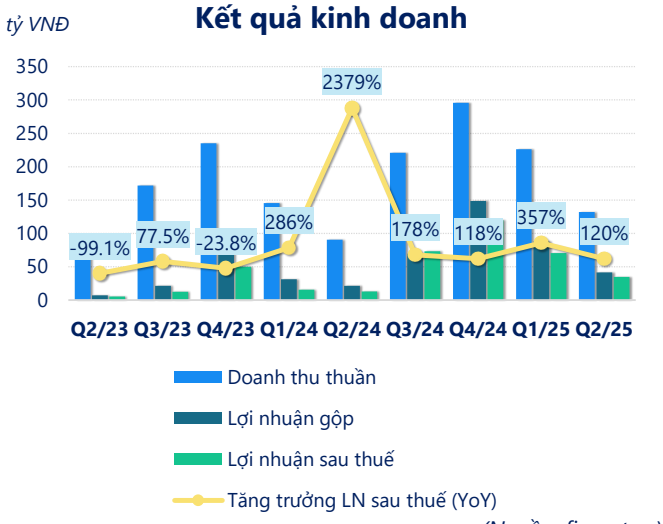
ROE

Q2/25

16.2%

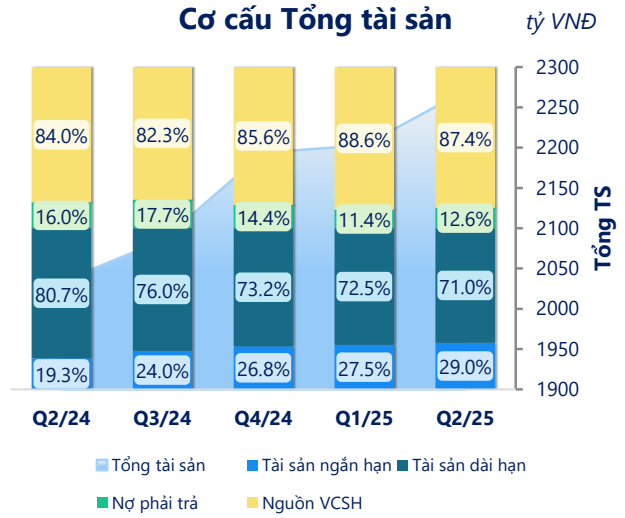
+/- YoY: ▲ 10.6%

Kết quả kinh doanh



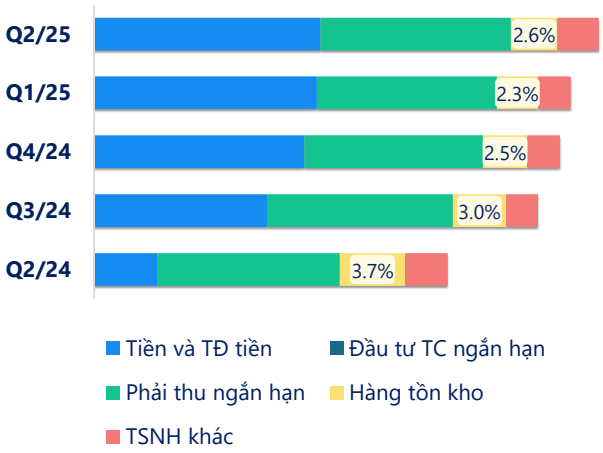
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



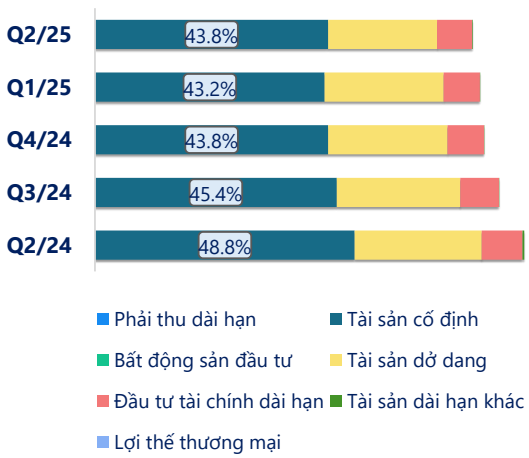
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



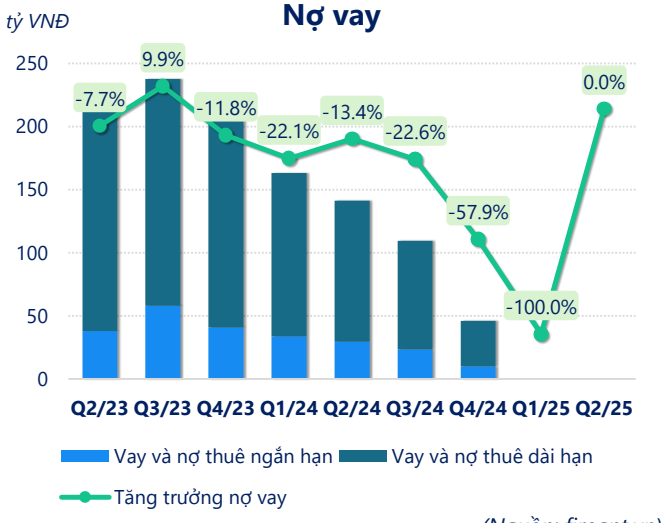
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



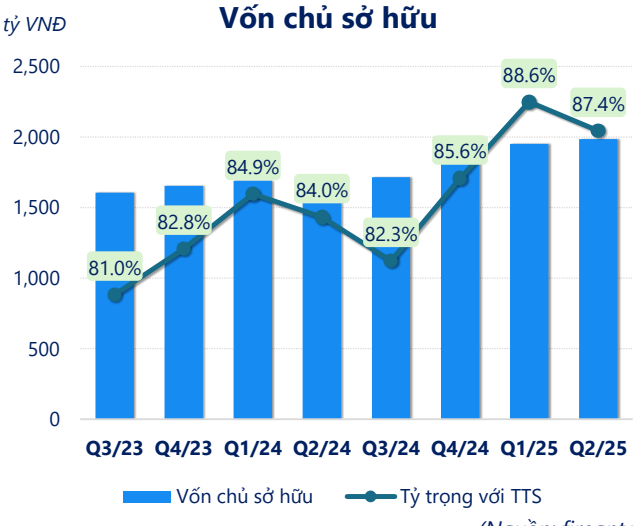
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



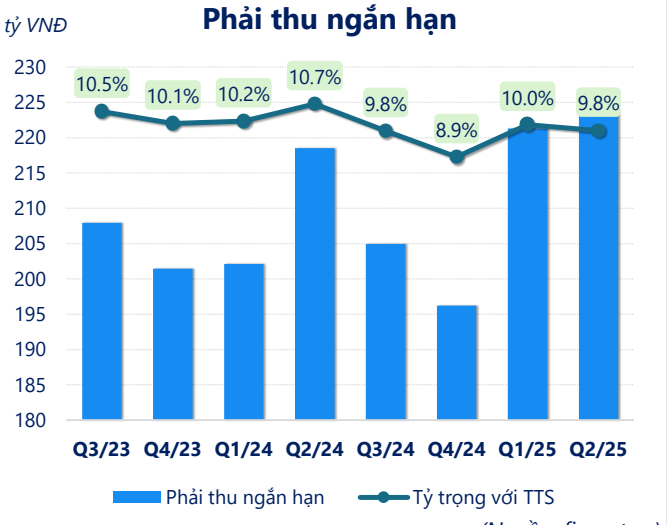
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



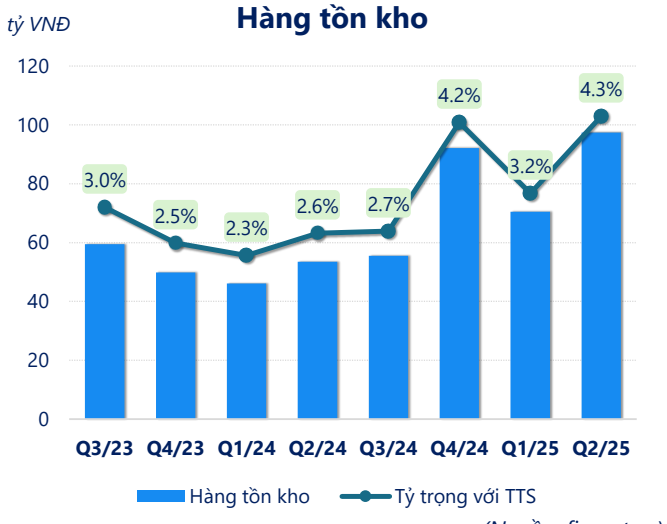
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



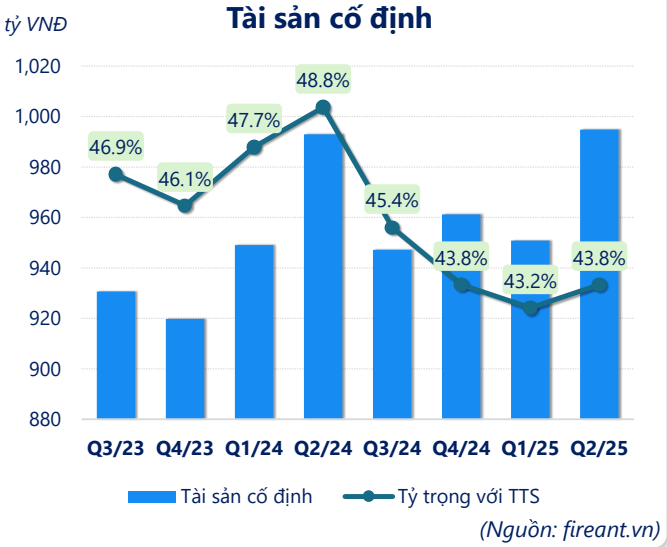
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



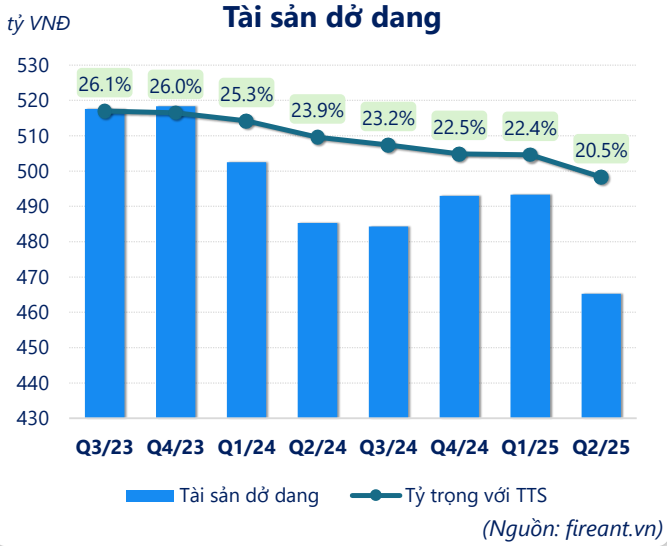
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



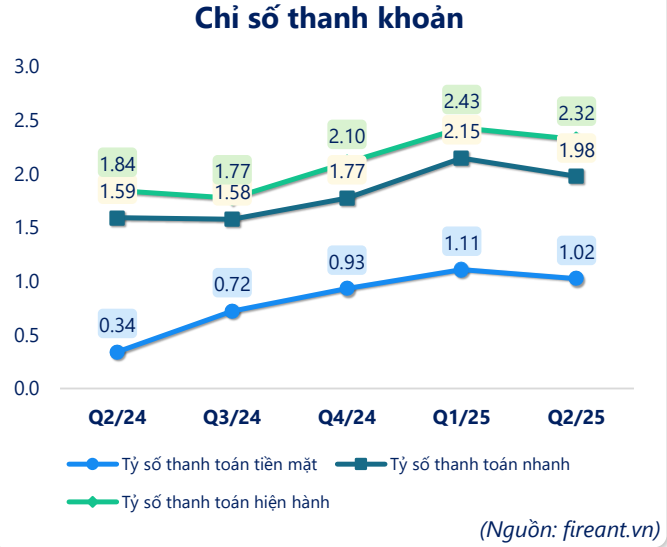
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



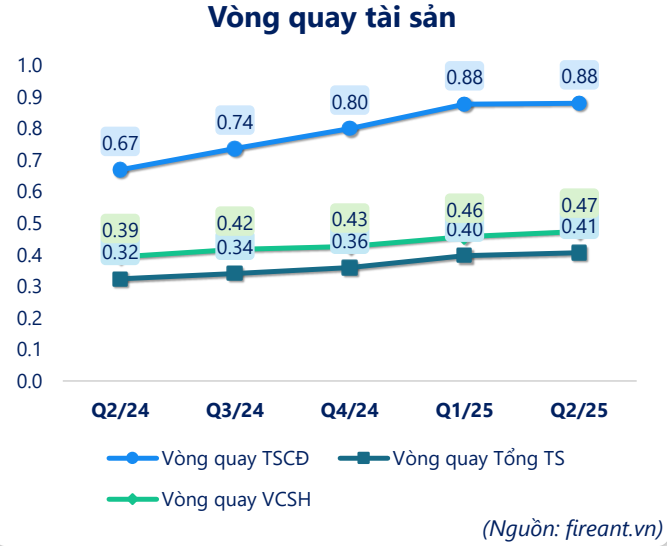
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**2,033**	**2,085**	**2,194**	**2,203**	**2,271**
Tài sản ngắn hạn	**392**	**500**	**587**	**607**	**658**
Tiền và tương đương tiền	72.7	203	260	277	290
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	219	205	196	221	224
Hàng tồn kho	53.5	55.5	92.2	70.4	97.4
Tài sản ngắn hạn khác	47.5	36.2	38.9	38.3	47.1
Tài sản dài hạn	**1,641**	**1,585**	**1,606**	**1,596**	**1,613**
Phải thu dài hạn	0.58	0.56	0.58	0.58	0.59
Tài sản cố định	993	947	961	951	995
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	485	484	493	493	465
Đầu tư tài chính dài hạn	156	152	150	151	151
Tài sản dài hạn khác	6.62	0.94	1.25	1.05	1.45
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**325**	**369**	**317**	**251**	**285**
Nợ ngắn hạn	**213**	**282**	**279**	**250**	**284**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	29.4	23.2	9.80	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	12.9	11.8	1.95	8.86	27.9
Nợ dài hạn	112	87.2	37.5	1.32	1.32
Vay và nợ thuê dài hạn	112	86.1	36.2	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,709**	**1,716**	**1,877**	**1,952**	**1,986**
Vốn chủ sở hữu	**1,709**	**1,716**	**1,877**	**1,952**	**1,986**
Vốn điều lệ	300	300	300	300	300
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)